

Báo cáo tìm hiểu thực tế về việc thiết lập hệ thống giáo dục tiếng Nhật toàn diện tại địa phương khu vực Thành Phố Yokohama. 【Phiên bản tóm tắt】

Tổng quan về khảo sát tìm hiểu thực tế

● Mục đích và đặc điểm của khảo sát

- Để chuẩn bị cho việc thiết lập "Kế hoạch hành động xúc tiến giáo dục tiếng Nhật Thành Phố Yokohama" một cuộc khảo sát bằng bảng câu hỏi đã được thực hiện với mục đích tìm hiểu tình hình thực tế xung quanh việc giáo dục tiếng Nhật (hỗ trợ học tiếng Nhật) tại địa phương trong khu vực Thành Phố Yokohama và với mục đích nắm bắt nguyện vọng của các tổ chức chính có liên quan
- Trong cuộc khảo sát này, chúng tôi đã thực hiện bảng câu hỏi mới dành cho những học viên tại các lớp Tiếng Nhật tại địa phương. Với sự hợp tác của phòng giao lưu quốc tế, các lớp học tiếng Nhật tại địa phương và các lớp hỗ trợ học tập. Có 926 người lớn và 242 trẻ em đã tham gia trả lời bảng câu hỏi khảo sát.
Điều này giúp chúng tôi có thể xây dựng kế hoạch dựa trên nhu cầu của học viên, là sự hợp sức của những cá nhân hỗ trợ việc học Tiếng Nhật trong Thành phố và hệ thống của họ, đồng thời đây là cơ hội để xác nhận đặc điểm của hệ thống xúc tiến lớp học Tiếng Nhật tại địa phương ở Thành Phố Yokohama.

● Các mục khảo sát

- Thông tin căn bản của học viên và các tổ chức/Mục tiêu, phương pháp và nội dung học Tiếng Nhật/ Tình hình hợp tác liên quan đến việc học Tiếng Nhật

● Đối tượng khảo sát và tình hình thực thi • Kết quả thu thập

Dành cho cá nhân

Loại khảo sát	① Khảo sát học viên học Tiếng Nhật (Khảo sát người lớn • khảo sát trẻ em)
Đối tượng khảo sát	Người lớn trên 18 tuổi học tại các lớp học Tiếng Nhật tại địa phương trong Thành Phố và trẻ em từ lớp 4 Tiểu Học đến Trung Học Phổ Thông học tại các trường hỗ trợ học tập. *Các câu hỏi khác nhau giữa khảo sát người lớn và trẻ em.
Phương pháp khảo sát	Thu thập bảng câu hỏi để lại trong lớp học (Bảng khảo sát bằng Tiếng Nhật • Tiếng Trung Quốc • Tiếng Anh • Tiếng Việt Nam • Tiếng Nepal) Thiết lập trang Web khảo sát và có thể chọn câu trả lời từ biểu mẫu Web.
Thời gian thực hiện	Từ ngày 2 tháng 9 đến ngày 6 tháng 10 năm 2024.
Số bảng được phân phối	Người lớn 2,363 Trẻ em 484
Số phiếu hợp lệ thu được.	Người lớn 926 Trẻ em 242
Tỷ lệ thu được phiếu hợp lệ	Người lớn 39.2% Trẻ em 50.0%

Dành cho tổ chức

Loại khảo sát	② Khảo sát tại các lớp học địa phương	③ Khảo sát ở các doanh nghiệp sử dụng người lao động nước ngoài	④ Khảo sát ở các cơ sở giáo dục tiếng Nhật.	⑤ Khảo sát ở các cơ sở đào tạo giáo viên Tiếng Nhật	⑥ Khảo sát ở phòng giao lưu quốc tế.
Đối tượng khảo sát	Các lớp tiếng Nhật • Các lớp hỗ trợ học tập được liệt kê trên cơ sở dữ liệu (Yokohama)	Cơ sở kinh doanh có các ngành mà số lượng lao động nước ngoài đang tăng. (Cơ sở kinh doanh cá thể, không phải đơn vị doanh nghiệp theo tập đoàn)	Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật dành cho đối tượng không dùng tiếng Nhật như tiếng mẹ đẻ. (Trường Tiếng Nhật, Trường Chuyên Môn, Trường Ngoại Ngữ, Trường Đại Học vv)	Cơ sở giáo dục có khóa đào tạo giáo viên Tiếng Nhật	Phòng giao lưu quốc tế
Phương pháp khảo sát	Qua đường bưu điện Thiết lập trang Web khảo sát và có thể chọn câu trả lời từ biểu mẫu Web.	Qua đường bưu điện	Qua đường bưu điện	Qua đường bưu điện	Thư điện tử email
Thời gian thực hiện	Từ ngày 19 tháng 8 đến ngày 13 tháng 9 năm 2024				
Số bảng được phân phối	139	462	58	8	13
Số phiếu hợp lệ thu được.	87	81	26	3	13
Tỷ lệ thu được phiếu hợp lệ	62.6%	17.5%	44.8%	37.5%	100.0%

★ Cách xem kết quả khảo sát

- "n" là số lượng mẫu, "MA" là câu hỏi có nhiều câu trả lời (được chọn nhiều câu trả lời)
Trong trường hợp chỉ có 1 câu trả lời, ký hiệu sẽ bị bỏ qua.
- Trong văn bản, việc phân phối các câu trả lời được biểu thị bằng con số gần đúng (Tỷ lệ phần trăm tương đối)
- Tổng số có thể không đạt 100% do làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai.

Tóm tắt kết quả khảo sát

① Người học tiếng Nhật (Khảo sát người lớn n=926 • Khảo sát trẻ em n=242)

◇ Ngày càng có nhiều người muốn tiếp tục sống ở Nhật mãi mãi hoặc lâu dài.

<Người lớn> số người làm việc và đoàn tụ với gia đình ngày càng tăng.

- Trong số người lớn trả lời khảo sát, có 36% trong độ tuổi 30, 26% trong độ tuổi 40, 25% trong độ tuổi từ 10-20, có đến gần 90% ở độ tuổi dưới 40 tuổi.
Theo tư cách cư trú, 34% là vĩnh trú • thường trú nhân, 35% là người lao động, 25% thuộc diện đoàn tụ gia đình, trong đó người lao động và đoàn tụ gia đình chiếm khoảng 60%. Du học sinh cũng chiếm 6%.
* Tham khảo: Cư dân người nước ngoài ở Thành Phố Yokohama vào tháng 9 cùng năm : Vĩnh trú • Thường Trú, vv chiếm 55%, lao động chiếm 28%, đoàn tụ gia đình chiếm 11%
- Thời gian lưu trú tại Nhật, trong vòng 1 năm chiếm 30%, trong vòng 3 năm chiếm 60%
Thời gian lưu trú từ giờ trở đi "ở mãi mãi • nếu được muốn ở mãi" chiếm 45%, "Trên 6 năm" chiếm 10%, có hơn một nửa dự định sống ở Nhật lâu dài.

<Trẻ em> có 90% là học sinh đang theo học tại các trường tiểu học, Trung học cơ sở của Nhật.

- Trong số trẻ em trả lời khảo sát, có 52% là học sinh đang học tiểu học, 38% là học sinh Trung Học cơ sở, 5% là học sinh Trung Học Phổ Thông và 3% là học sinh ở trường Đại Học nước ngoài..
- Ở trong gia đình "Hầu như không sử dụng tiếng Nhật" chiếm 55%, "Có sử dụng tiếng Nhật" chiếm 43%, "Chỉ sử dụng tiếng Nhật" chỉ chiếm 2% thôi.
- Có khoảng 70% đến Nhật Bản trong độ tuổi đi học. "Ở Nhật suốt kể từ khi được sinh ra" chiếm khoảng 10%. Nguyên vọng trong tương lai "ở mãi mãi • nếu được muốn ở mãi" chiếm gần 50%, "Không biết rõ" chiếm 30%, "Muốn sống ở một quốc gia khác" chiếm 10%, "Muốn sống ở quê hương" chiếm khoảng gần 10%.

◇ **Người lớn có nhiều mục đích khác nhau khi học tiếng Nhật. Mục đích chiếm vị trí số 1 là có thể đàm thoại giao tiếp được.**

- Có khoảng 1/3 người lớn có trình độ nghe nói tiếng Nhật ở mức độ không gặp khó khăn trong cuộc sống hàng ngày. Có khoảng 10% người lớn hầu như không thể “Nghe hiểu • nói” ”đọc” ”viết” tiếng Nhật được. Ngày càng có nhiều người nước ngoài đến từ các quốc gia không sử dụng chữ Hán, gặp khó khăn trong việc đọc.
- Mục đích của người lớn học tiếng Nhật, thứ nhất là có thể “đàm thoại” được, tiếp theo là học để có thể giao tiếp với Người Nhật, có thể hiểu được những thông tin cần thiết trong cuộc sống hàng ngày, dùng trong công việc, đọc viết, và những mục đích khác.
- Mặc dù tỷ lệ trẻ không thể “Nói chuyện • Nghe hiểu “ với thầy cô, bạn bè, không thể “Viết” câu thấp nhưng có khoảng 20% trẻ trả lời “không đọc được mấy” sách hay sách giáo khoa. **(Bảng 1)**

(Bảng 1) Mục đích học tiếng Nhật của người lớn (MA) n=926 (%)

Giao tiếp (Nghe • nói)	83.0
Giao tiếp với người Nhật.	69.3
Hiểu được các thông tin cần thiết trong cuộc sống.	65.7
Công việc (Xin việc làm • chuyển việc, thăng tiến)	57.8
Đọc viết (chữ Hán , ngữ pháp)	54.6
Tìm hiểu về văn hóa và phong tục Nhật Bản.	54.6
Bị bệnh	44.6
Luyện thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)	42.5
Tham gia cộng đồng.	40.3
Có thể tự mình làm các thủ tục, hợp đồng.	32.7
Chăm sóc và giáo dục con cái	26.9

◇ **Tiêu chí, điều kiện chính để chọn lớp học là có ngày trong tuần, thời gian phù hợp,**

- Khi được hỏi lý do tại sao lại chọn lớp học hiện tại, nhiều người lớn trả lời rằng “Bởi vì có ngày • thời gian phù hợp” “Bởi vì ở nơi dễ dàng đi lại”, trong khi những người khác lại trả lời rằng “Bởi vì cảm thấy ấm cúng, thoải mái”, “Bởi vì phù hợp với trình độ tiếng Nhật” “Bởi vì không mất phí”. Trẻ em trả lời một số lý do như là “vì giúp xem bài tập về nhà” “Bởi vì có ngày • thời gian phù hợp” “ Vì gần nhà”. **(Bảng 2) (Bảng 3)**
- Hơn nữa, có gần một nửa số người lớn và trẻ em đi bộ đến lớp hay đi xe hai bánh, số người đến lớp bằng tàu điện hay xe buýt cũng không ít.

(Bảng 2) Lý do người lớn chọn lớp học hiện tại (MA) n=926 (%)

Bởi vì có ngày • thời gian phù hợp.	70.6
Bởi vì lớp học nằm ở vị trí dễ đi lại.	59.9
Bởi vì cảm thấy ấm cúng, thoải mái.	44.5
Bởi vì phù hợp với trình độ tiếng Nhật của tôi.	44.1
Bởi vì được miễn phí (hoặc phí rất rẻ)	39.0
Bởi vì thầy cô dạy theo mong muốn của tôi.	26.8
Bởi vì có thể học một thầy một trò.	25.1
Bởi vì có thể nói chuyện với người nước ngoài.	23.1

(Bảng 3) Lý do trẻ chọn lớp học hiện tại (MA) n=242 (%)

Bởi vì giúp xem bài tập về nhà.	37.2
Bởi vì có ngày giờ phù hợp.	32.6
Bởi vì ở gần nhà.	31.8
Được người trong gia đình chọn.	31.4
Bởi vì thầy cô tốt bụng	29.3
Bởi vì được học 1 thầy 1 trò	24.4
Bởi vì có bạn học cùng.	17.4

◇ **Lớp học không chỉ là nơi cải thiện kỹ năng đàm thoại, đọc và viết mà còn trở thành nơi có thể gặp gỡ làm quen, có thể được tư vấn.**

- Người lớn nêu ra những lợi ích khi tham gia lớp học là “có thể đàm thoại bằng Tiếng Nhật” “Việc học tiếng Nhật trở nên thú vị hơn” “Việc đọc, viết tiếng Nhật trở nên giỏi hơn” “Có thể dễ dàng tiếp cận với các thông tin cần thiết trong cuộc sống”. **(Bảng 4)**
- Có gần 80% trẻ em trả lời “đến lớp rất vui” Những điều tốt khi đến lớp là “hiểu được bài học ở trường hơn” ”Việc học tiếng Nhật trở nên thú vị” **(Bảng 5)**

(Bảng 4) Những lợi ích khi đến lớp của người lớn(MA) n=926 (%)

Biết trò chuyện bằng tiếng Nhật.	72.6
Học tiếng Nhật thật thú vị.	62.3
Biết đọc và viết tiếng Nhật giỏi hơn.	53.7
Việc tiếp thu thông tin cần thiết cho cuộc sống trở nên dễ dàng hơn.	49.7
Có thể kết bạn với người cùng học tiếng Nhật.	40.7
Có thêm nhiều người quen là người Nhật.	39.4
Giúp hiểu hơn về nước Nhật (thành phố Yokohama)	36.2
Là nơi có thể chia sẻ khó khăn	31.6

(Bảng 5) Những lợi ích khi đến lớp của trẻ(MA) n=242 (%)

Hiểu được bài học ở trường hơn.	83.1
Việc học tiếng Nhật trở nên thú vị.	58.7
Tôi đã được gặp gỡ (biết đến) giáo viên.	35.1
Nói chuyện được với bạn bằng tiếng Nhật tốt hơn.	33.5
Kết bạn được với người cùng học tiếng Nhật.	29.3

◇ Trẻ tham gia các lớp hỗ trợ học tập có nguyện vọng “Muốn học tiếng Nhật nhiều hơn”

- Có hơn 70% trẻ trả lời muốn học tiếng Nhật nhiều hơn và mong muốn được học trực tuyến. **(Bảng 6)**

(Bảng 6) Cách giúp trẻ học tiếng Nhật dễ dàng hơn(MA) n=242 (%)

Khi được học trực tuyến nhiều hơn.	66.9
Khi được học ở nơi dễ đi lại	45.5
Khi được giao tiếp với người Nhật để hiểu ngôn ngữ, văn hóa.	36.0
Khi có nhiều lựa chọn thứ, giờ.	35.1
Được học tiếng Nhật nhiều hơn ở Trường	26.4

◇ Nhiều học viên mong muốn tham gia, giao lưu ở địa phương và muốn cống hiến cho xã hội.

- Có sự quan tâm tích cực đến việc tham gia vào các hoạt động như giao lưu tại các sự kiện ở địa phương, đóng góp thông qua công việc, giới thiệu ngôn ngữ và văn hóa đất nước mình cũng như dạy tiếng Nhật và giới thiệu đất nước Nhật Bản cho người nước ngoài khi đến Nhật Bản. **(Bảng 7)**

(Bảng 7) Người lớn “Những việc có thể làm, muốn làm trong hoạt động cộng đồng” (MA) n=926 (%)

Tham gia các lễ hội và sự kiện ở địa phương để được giao lưu với nhiều người khác nhau.	50.2
Muốn trở nên hữu ích hơn thông qua công việc của mình.	43.0
Giới thiệu về đất nước và văn hóa của mình.	37.4
Chỉ dạy tiếng Nhật, cuộc sống và phong tục ở Nhật cho người nước ngoài mới đến Nhật.	32.1
Muốn tham gia các hoạt động tình nguyện.	28.2

② các lớp học địa phương (n=87)

◇ Các lớp học tiếng Nhật tại địa phương được tổ chức theo sự thuận tiện và nhu cầu của người học.

- Hình thức tổ chức của các lớp học đã trả lời khảo sát thì có hơn 60% là tổ chức tình nguyện, trên 30% là tổ chức phi lợi nhuận.
- Có khoảng 60% lớp học chỉ dành cho đối tượng là người lớn, 25% lớp học chỉ dành cho trẻ em, lớp học dành cho cả hai đối tượng chiếm 10%.

- Về địa điểm lớp học, trên 40% được tổ chức tại “Phòng giao lưu quốc tế”, khoảng 30% tại “Các cơ sở công cộng khác (ngoài Trung tâm cộng đồng, Trung tâm chăm sóc cộng đồng)”, khoảng 20% tại “Trung tâm cộng đồng” và khoảng 10% tại “Trung tâm chăm sóc cộng đồng” và cũng được tổ chức tại cơ quan hành chính quận hay cơ sở trường học.
- Về số buổi học, 1 tuần 1 buổi chiếm 70%, 1 tuần 2 buổi chiếm 20%, cũng có một số lớp học trên 3 buổi trong 1 tuần. Về ngày giờ học, vào buổi sáng ngày thường chiếm gần 40%, tiếp theo là vào buổi chiều ngày thường, vào chiều thứ bảy, chủ nhật mỗi buổi chiếm 30%, có thể thấy các lớp học được tổ chức để phù hợp với người đi học, đi làm.
- Khoảng một nửa số lớp học là miễn phí và một nửa còn lại yêu cầu người học phụ trách phí sử dụng hoặc chi phí thực tế.

◇ **Đóng vai trò quan trọng như một điểm liên lạc giữa người học, xã hội Nhật Bản và đời sống tại địa phương.**

- Trọng tâm của việc hỗ trợ học tiếng Nhật là không chỉ tiếp thu tiếng Nhật cơ bản mà còn tiếp thu các kỹ năng Tiếng Nhật cần thiết trong cuộc sống hàng ngày và đảm bảo có cơ hội nói chuyện với người Nhật. **(Bảng 8)**
- Hình thức học tập, hầu hết các lớp học một thầy một trò hoặc nhóm nhỏ, có 1/3 trong số những người được hỏi trả lời họ đang tham gia các lớp học trực tuyến. Các vấn đề của việc học trực tuyến được nêu ra là kỹ năng của người hỗ trợ học và môi trường học.

(Bảng 8) Những điều trú trọng trong việc hỗ trợ học tập. (MA) n=87 (%)

Lĩnh hội được kiến thức Tiếng Nhật cơ bản.	83.9
Lĩnh hội được khả năng tiếng Nhật cần thiết trong cuộc sống.	75.9
Đảm bảo có cơ hội nói chuyện với người Nhật.	72.4
Lĩnh hội được kỹ năng tiếng Nhật thông dụng (Thực tế)	71.3
Hỗ trợ học tập phù hợp với mục đích và mục tiêu cá nhân.	57.5
Thúc đẩy sự hiểu biết về Xã Hội và Văn Hóa Nhật Bản.	48.3
Hỗ trợ sự hiểu biết về Xã Hội và Văn Hóa Nhật Bản.	44.8
Lĩnh hội được tiếng Nhật “Đúng, chính xác”	40.2
Luyện thi năng lực tiếng Nhật	37.9

- Ngoài việc hỗ trợ học tập, các lớp học còn hỗ trợ “hỗ trợ tư vấn cho người học” “Cung cấp thông tin về đời sống” **(Bảng 9)**
- Với câu hỏi khi gặp khó khăn thì liên hệ tư vấn ở đâu, có hơn một nửa trả lời là “Phòng giao lưu quốc tế”, 20% là Ủy Ban Quận/ Thành Phố và 10% là “Hiệp hội giao lưu quốc tế Yokohama”
- Những vấn đề trong quản lý lớp học bao gồm thiếu nhân lực hỗ trợ dạy tiếng Nhật, nâng cao kỹ năng và già hóa nhân lực, cũng như đối phó với sự gia tăng lượng người học, tuyển dụng nhân lực hỗ trợ, đảm bảo nơi học, giải quyết về sự khác biệt trình độ của người học, việc kết nối giữa người học và người dạy. **(Bảng 10)**

(Bảng 9) Các hỗ trợ khác ngoài hỗ trợ học tập(MA) n=87 (%)

Hỗ trợ tư vấn cho người học.	64.4
Cung cấp các thông tin đời sống.	48.3
Giới thiệu các trung tâm tư vấn	40.2
Giải thích nội dung các giấy tờ	36.8
Hỗ trợ tư vấn cho phụ huynh	27.6
Hỗ trợ các loại thủ tục	18.4

(Bảng 10) Các vấn đề gặp phải khi vận hành lớp học (MA) n=87 (%)

Thiếu nhân lực hỗ trợ dạy Tiếng Nhật.	51.7
Nâng cao kỹ năng nhân lực hỗ trợ dạy Tiếng Nhật.	46.0
Già hóa nhân lực hỗ trợ dạy tiếng Nhật.	46.0
Số lượng người học ngày càng tăng nên không thể đáp ứng hết được.	31.0
Phương pháp tuyển dụng hiệu quả nhân lực hỗ trợ dạy tiếng Nhật.	24.1
Đảm bảo được nơi học	24.1
Sự khác biệt lớn về trình độ của người học gây khó khăn cho việc đáp ứng.	19.5
Khó khăn với việc kết nối người dạy và người học.	19.5

③ Doanh nghiệp thuê người lao động nước ngoài (n=58)

◇ Gần 90% các doanh nghiệp thuê người lao động nước ngoài đưa ra điều kiện tuyển dụng là năng lực tiếng Nhật.

- Trong số các doanh nghiệp trả lời, có 58 doanh nghiệp hiện đang có người nước ngoài làm việc, các công việc như “Điều dưỡng”, “Xây dựng”, “Ăn uống • lưu trú”, “Sản xuất • làm vệ sinh” “Dịch vụ chuyên nghiệp”, các loại nghề nghiệp “Chuyên môn • Nghề nghiệp kỹ thuật” “kỹ năng” “dịch vụ khách hàng” theo thứ tự tăng dần.
- Có 80% người lao động nước ngoài ở độ tuổi từ 20-30, hầu hết đến từ các quốc gia, khu vực như Việt Nam, Myanma, Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Nepal, vv
- Có 50% doanh nghiệp tuyển dụng người nước ngoài chọn năng lực Tiếng Nhật là một trong những điều kiện và khoảng 40% chọn đó là điều kiện bắt buộc. Về yêu cầu trình độ Tiếng Nhật, khoảng 50% yêu cầu có thể “giao tiếp đàm thoại hàng ngày”. “Có thể đọc chữ Hiragana • Katakana”, “Năng lực Tiếng Nhật N3 trở lên” mỗi yêu cầu chiếm 30% và hơn 10% yêu cầu “N2 trở lên”

◇ Có hơn 80% doanh nghiệp đang sử dụng lao động người nước ngoài nghĩ rằng, nhân viên người nước ngoài và gia đình của họ cần phải học Tiếng Nhật thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày

- Việc hỗ trợ học tiếng Nhật cho nhân viên người nước ngoài chủ yếu thông qua 「Giao tiếp hàng ngày tại nơi làm việc」 và OJT (đào tạo tại nơi làm việc), tuy nhiên tổ chức lớp học tại nơi làm việc và sử dụng các cơ sở giáo dục tiếng Nhật vẫn còn hạn chế. **(Bảng11)**

(Bảng11) Hỗ trợ học Tiếng Nhật cho lao động người nước ngoài (MA) n=58 (%)

Khuyến khích trò chuyện với nhau tại nơi làm việc	48.3
Sự hướng dẫn và hỗ trợ của nhân viên được đưa vào công việc. (đào tạo tại nơi làm việc)	24.1
Tổ chức lớp học theo hình thức nào đó tại nơi làm việc	22.4
Không có hỗ trợ cụ thể	22.4
Một số hỗ trợ nào đó cho việc học tại một cơ sở giáo dục tiếng Nhật	17.2
Hỗ trợ nào đó cho việc tham gia kỳ thi năng lực tiếng Nhật	13.8

- Về việc hỗ trợ học Tiếng Nhật cho gia đình, chỉ có một số ít doanh nghiệp giới thiệu các lớp học Tiếng Nhật tại địa phương.
- 45% nhân viên người nước ngoài và gia đình trả lời rằng họ “Cảm thấy cần thiết” phải học tiếng Nhật, dưới 40% chọn “Nghĩ rằng điều đó rất cần thiết”, hơn 10% trả lời rằng “Không biết”.
- Chỉ có chưa đến một nửa doanh nghiệp có thông tin về lớp học Tiếng Nhật trong Thành Phố và tại địa phương, có 70% doanh nghiệp trả lời “rất biết ơn nếu có thông tin” “rất muốn có thông tin”, có thể thấy được nhu cầu về thông tin của các địa điểm học Tiếng Nhật.

④ Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật (n=26)

⑤ Các cơ sở đào tạo giáo viên Tiếng Nhật (n=3)

◇ Các cơ sở giáo dục Tiếng Nhật đang phải đối mặt với các vấn đề như tình trạng thiếu giáo viên, sự đa dạng của học viên và những thay đổi trong hệ thống.

- Khoảng 90% học viên theo học tại các cơ sở giáo dục tiếng Nhật ở độ tuổi 20, ngoài “du học sinh ngoại ngữ” thì học viên là “người lao động” “vợ/chồng của người lao động” “Người chuẩn bị đi làm” vv
Mục đích chính của việc học Tiếng Nhật là “Luyện thi năng lực Tiếng Nhật” “Chuẩn bị nhập học • thi đầu vào” “Luyện thi lấy bằng cấp” “nhu cầu nghề nghiệp”
- Các cơ sở giáo dục Tiếng Nhật chú trọng đến việc lĩnh hội được kỹ năng tiếng Nhật thông dụng (Thực tế) , và luyện thi tiếp tục học tiếp lên cao, giúp đạt được năng lực Tiếng Nhật cần thiết trong công việc. **(Bảng12)**
- Hình thức học tập chủ yếu là hình thức bài giảng.

- Các vấn đề phải đổi mới của các cơ sở giáo dục Tiếng Nhật được nêu ra như là "Thiếu giáo viên" "Sự đa dạng của học viên" "đáp ứng chương trình giảng dạy mới" (**Bảng13**)

(Bảng12) Điều quan trọng trong giáo dục Tiếng Nhật (MA) n=26 (%)

Lĩnh hội được kỹ năng tiếng Nhật thông dụng (Thực tế)	57.7
Giúp chuẩn bị cho việc nhập học, chuyển tiếp, học tiếp lên cao.	53.8
Lĩnh hội được tiếng Nhật "Đúng, chính xác" (như là ngữ pháp)	50.0
Luyện thi năng lực tiếng Nhật.	50.0
Lĩnh hội được năng lực tiếng Nhật cần thiết trong công việc.	50.0
Hỗ trợ hiểu biết về Xã Hội và Văn Hóa Nhật Bản.	50.0
Lĩnh hội được năng lực Tiếng Nhật cần thiết trong cuộc sống.	42.3
Hỗ trợ học tập phù hợp với mục đích • mục tiêu của từng cá nhân.	38.5
Giúp chuẩn bị cho xin việc làm	30.8

(Bảng13) Trường học phải đổi mới những vấn đề chính (MA) n=26 (%)

Thiếu giáo viên	46.2
Sự đa dạng về trình độ tiếng Nhật của học viên.	38.5
Đáp ứng chương trình giảng dạy mới.	30.8
Đáp ứng sự thay đổi về nhu cầu học tập của học viên.	26.9
Nâng cao trình độ • năng lực của giáo viên.	26.9
Số lượng người muốn nhập học vượt quá (Không thể đáp ứng mong đợi)	23.1
Phát triển nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	19.2

◇ Sự hạn chế về số lượng các tổ chức mà các cơ sở giáo dục Tiếng Nhật liên kết trong Thành Phố.

- Có 30% cơ sở giáo dục Tiếng Nhật cung cấp cho học viên thông tin về các lớp học Tiếng Nhật trên địa bàn Thành Phố và 20% cho biết có học viên đang học theo học tại các lớp trên địa bàn Thành Phố. Nhiều người trả lời "Không biết • không nắm bắt được" về mối liên hệ giữa học viên, học viên đã tốt nghiệp với các lớp học trên địa bàn Thành Phố.
- Khi được hỏi cần liên lạc • liên kết với tổ chức nào để hỗ trợ giáo dục Tiếng Nhật và học viên, có 30% trả lời là "Trường dạy Tiếng Nhật khác", "Phòng giao lưu quốc tế" "Ủy ban quận/thành phố" "Các tổ chức quốc gia, Tỉnh" mỗi nơi 20% và có 35 % trả lời "Không có câu trả lời cụ thể"
- Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật đã đề cập đến những việc họ có thể làm để cộng tác, hợp tác giáo dục Tiếng Nhật tại địa phương như là "Tổ chức các lớp học Tiếng Nhật cho người dân" "Đào tạo người hỗ trợ việc học tiếng Nhật • cử giảng viên" Có 40% trả lời là "Không biết có thể làm gì" hay "Không thể làm được gì" Các cơ sở đào tạo giáo viên dạy Tiếng Nhật đã liệt kê các cách mà họ có thể cộng tác và hợp tác trong Thành Phố, chẳng hạn tổ chức đào tạo hỗ trợ học Tiếng Nhật, cử giảng viên, phát triển tài liệu giảng dạy và chương trình giáo dục cũng như tham gia vào các hệ thống hỗ trợ học viên.

⑥ Phòng giao lưu quốc tế (n=13)

◇ Phòng giao lưu quốc tế đóng vai trò trung tâm cho việc học Tiếng Nhật • cửa ngõ của việc hỗ trợ dạy Tiếng Nhật, phát triển nhân lực hỗ trợ, vv

- Các nội dung chính muốn được tư vấn từ phía các học viên • những người muốn học như là "việc đăng ký học" "Trình độ đầu vào" của việc học Tiếng Nhật. Từ phía người hỗ trợ học tập • Người muốn hỗ trợ học tập "Đăng ký tham gia tình nguyện viên dạy Tiếng Nhật" và "Quan tâm đến việc hỗ trợ học tiếng Nhật", Từ phía các tổ chức "Thiếu nhân lực hỗ trợ" "Cải thiện kỹ năng người học." (**Bảng14**) (**Bảng15**)

(Bảng14) Nội dung tư vấn từ phía học viên • (MA) n=13 (%)

Việc đăng ký học	61.5
Trình độ đầu vào	53.8
Lớp học hỗ trợ trẻ em học tập.	53.8
Trình độ từ Sơ cấp ~ Trung cấp	38.5
Hỏi về lớp học thi lấy chứng chỉ.	23.1
Lớp học Tiếng Nhật dành cho trẻ em	23.1

(Bảng15) Nội dung tư vấn từ phía người hỗ trợ và người mong muốn hỗ trợ học tập. (MA) n=13 (%)

Về đăng ký tham gia tình nguyện viên dạy Tiếng Nhật (cá nhân)	72.7
Quan tâm đến việc hỗ trợ học Tiếng Nhật (cá nhân)	45.5
Thiếu nhân lực hỗ trợ việc học (tổ chức)	45.5
Nâng cao kỹ năng nhân lực hỗ trợ học (tổ chức)	45.5
Quan tâm đến các hoạt động ngoài lớp học Tiếng Nhật (cá nhân)	18.2
Cách tuyển dụng nhân lực hỗ trợ việc học mới (tổ chức)	18.2

- Nhiều dự án liên quan đến giáo dục Tiếng Nhật tại địa phương bao gồm “Các khóa đào tạo tình nguyện viên Tiếng Nhật” ”Các khóa học nâng cao tình nguyện viên Tiếng Nhật” ”Tổ chức các hội nghị hợp tác giữa các lớp học Tiếng Nhật” Các lớp học Tiếng Nhật có thể do chính Trường điều hành hoặc có thể cho các tổ chức điều hành lớp học Tiếng Nhật mượn địa điểm. Việc quản lý đăng ký nhân lực hỗ trợ học tập được tiến hành phân nửa.

So sánh mức tăng giảm trong 5 năm qua (khảo sát từng loại)

- Mặc dù nhiều người được hỏi cho biết số lượng lao động người nước ngoài và người muốn tư vấn về vấn đề học Tiếng Nhật ở Phòng giao lưu quốc tế “gia tăng”nhưng cũng có một số câu trả lời nhất định cho rằng số học viên tại các cơ sở giáo dục Tiếng Nhật và các lớp học Tiếng Nhật tại địa phương không thay đổi hoặc giảm đi. **(Bảng16)**

(Bảng16)

So sánh mức tăng giảm trong 5 năm qua (khảo sát từng loại)

(%)	Tăng lên	Tăng lên một chút	Gần như không thay đổi	Giảm đi một chút	Giảm đi	Không trả lời
Số lượng học viên trong các lớp học tiếng Nhật tại địa phương (n=87)	23.0	24.1	32.2	5.7	11.5	3.4
Số lượng người hỗ trợ học tập tại các lớp học tiếng Nhật tại địa phương (n=87)	11.5	31.0	26.4	17.2	6.9	6.9
Số lượng nhân viên người nước ngoài tại doanh nghiệp có tuyển dụng người nước ngoài (n=58)	48.3	10.3	32.8	3.4	5.2	0.0
Số lượng học sinh tại các cơ sở giáo dục tiếng Nhật (n=26)	38.5	7.7	38.5	7.7	3.8	3.8
Tư vấn từ phía học viên và người hỗ trợ học tập tại các Phòng giao lưu quốc tế (n=13)	46.2	15.4	23.1	7.7	0.0	7.7
Tư vấn từ phía người hỗ trợ học tập và người có mong muốn hỗ trợ học tập tại các Phòng giao lưu quốc tế (n=13)	30.8	38.5	23.1	0.0	0.0	7.7

Phát hành: Văn phòng quốc tế Thành phố Yokohama, tháng 3 năm 2025